TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 20/2024/QĐST-DS	*Vĩnh Thạnh, ngày 10 tháng 05 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 05 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1982

Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1975

Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1942

Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1969

Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1965

Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1971

Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1973

Cùng nơi cư trú: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị Cẩm D, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1986

Nơi cú trú: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị Bé H1, sinh năm 1950

Nơi cư trú: Số nhà C, B, ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Số nhà F, B, ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bà Đỗ Thị Kim Á, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1942

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn T, huyện V, Tp Cần Thơ

Ông Trần Văn D1, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp E, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ

Bà Trần Thị N1, sinh năm 1990

Địa chỉ: khu vực T, phường T, quận T, Tp Cần Thơ.

Bà Trần Cẩm T1, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp E, xã T, huyện C, Tp Cần Thơ.

Bà Trần Thị Thu T2, sinh năm 2005

Địa chỉ: ấp E, xã T, huyện C, Tp Cần Thơ

Bà Trần Thi Thúy K1, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Phụng Hưng, thị trấn Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Xác định:

+ Thửa 47, 48, thuộc tờ bản đồ số 10, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000831, do Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp ngày 16/5/2000, diện tích theo đo đạc thực tế là: 2062,2m^2 loại đất ODT + CLN do ông Đỗ Trọng H2 (chết) đứng tên, thực tế là di sản của ông Nguyễn Văn L1.

+ Ông Nguyễn Văn L1 (chết năm 2018), không để lại di chúc, nên di sản được chia theo pháp luật.

+ Hàng thừa kế của ông L1 gồm:

Nguyễn Thị Y (là vợ ông L1); Nguyễn Thị Cẩm D, Nguyễn Thị Cẩm L, Nguyễn Thị Cẩm Đ1 (chết) [có chồng là ông Trần Văn D1 và 04 người con gồm: Trần Thị Thu T2, Trần Thị N1, Trần Cẩm T1, Trần Thị Thúy L2]; Nguyễn Thị Cẩm H, Nguyễn Bá T, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Thị Thúy K, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc P.

Công nhận các đương sự thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn L1 (chết) thống nhất phân chia toàn bộ thửa số 47, 48 như sau:

+ Chia, giao ông Nguyễn Ngọc Đại diện t là: 209,0m^2 (có 60m^2 đất ODT, còn lại 149m^2 đất CLN (bao gồm 44,1m^2 đường giao thông), vị trí được thể hiện là phần (A) trong bản trích đo địa chính của Trung tâm K2 nay là Văn P1 đăng ký đất đai, thuộc sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác nhận ngày 21/3/2024.

+ Chia, giao bà Nguyễn Thị Cẩm L diện tích là: 186,7m^2 (Có 60m^2 đất ODT, còn lại 126,7m^2 đất CLN (bao gồm 35,7m^2 đường giao thông), vị trí được thể hiện là phần (B) trong bản trích đo địa chính của Trung tâm K2 nay là Văn P1 đăng ký đất đai, thuộc sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác nhận ngày 21/3/2024.

+ Chia, giao ông Nguyễn Ngọc B diện tích là: 281,9m^2 (có 60m^2 đất ODT, còn lại 221,9m^2 đất CLN (bao gồm 53,7m^2 đường giao thông), vị trí được thể hiện là phần (C) trong bản trích đo địa chính của Trung tâm K2 nay là Văn P1 đăng ký đất đai, thuộc sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác nhận ngày 21/3/2024.

+ Chia, giao ông Nguyễn Ngọc P diện tích là: 871,4m^2 (có 60m^2 đất ODT, còn lại 811,4m^2 đất CLN (bao gồm 60m^2 đường giao thông), vị trí được thể hiện là phần (D) trong bản trích đo địa chính của Trung tâm K2 nay là Văn P1 đăng ký đất đai, thuộc sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác nhận ngày 21/3/2024.

+ Chia, giao ông Nguyễn Bá T diện tích là: 513,2m^2 (có 60m^2 đất ODT, còn lại 453,2m^2 đất CLN (bao gồm 32,7m^2 đường giao thông), vị trí được thể hiện là phần (E) trong bản trích đo địa chính của Trung tâm K2 nay là Văn P1 đăng ký đất đai, thuộc sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác nhận ngày 21/3/2024.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tài sản, biên bản định giá do Tòa án lập ngày 01/02/2024 và bản trích đo địa chính xác nhận ngày 21/03/2024 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường thành phố K2 nay là Văn phòng đăng ký đất đai, thuộc sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C để làm căn cứ xác định phần đất công nhận, giao và để thi hành.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo nội dung đã được công nhận và có trách nhiệm nộp các khoản phí, lệ phí (nếu có) theo qui định của pháp luật.

Về án phí và chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản, lệ phí bản trích đo địa chính:

* Về án phí và tạm ứng án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Cẩm L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

+ Ông Nguyễn Ngọc Đ phải nộp số tiền án phí là: 10.450.000đ (mười triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng) án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0006791, ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ. Ông Nguyễn Ngọc Đ phải nộp số tiền con thiếu là: 10.150.000đ (mười triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Ông Nguyễn Ngọc B phải nộp số tiền án phí là: 14.095.000đ (mười bốn

triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0006786, ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ. Ông Nguyễn Ngọc B phải nộp thêm số tiền còn thiếu là: 13.795.000đ (mười ba triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

+ Ông Nguyễn Ngọc P phải nộp số tiền án phí là: 38.142.000đ (ba mươi tám triệu, một trăm bốn mươi hai ngàn đồng)

+ Ông Nguyễn Bá T phải nộp số tiền tạm ứng án phí là: 24.528.000đ (hai mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi tám ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006788, ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ. Ông Nguyễn Bá T phải nộp thêm số tiền còn thiếu là: 24.228.000đ (hai mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi tám ngàn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Cẩm L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0006789, ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ.

+ Bà Nguyễn Thị Thúy K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0006787, ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ.

+ Bà Nguyễn Thị Cẩm H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006790, ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ.

* Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản, lệ phí bản trích đo địa chính: Hội đồng chi các khoản hết 18.000.000đ (mười tám triệu đồng). Ông Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Thị Cẩm L, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Bá T, Nguyễn Ngọc P mỗi người chịu 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm ngàn đồng). Công nhận ông Nguyễn Ngọc Đ đã nộp và chi xong; Bà Nguyễn Thị Cẩm L, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Bá T, Nguyễn Ngọc P phải nộp mỗi người là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm ngàn đồng) để chuyển trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án chậm trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo qui định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Cương Lĩnh